

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ -ST
Ngày 24/3/2020
V/v tranh chấp yêu cầu xin ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Chiêu;
2. Bà Nguyễn Hồng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “yêu cầu xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Phan Việt C**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2/ Bị đơn: Anh **Võ Minh K**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị C và anh K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Việt C trình bày: Về hôn nhân: Chị với anh Võ Minh K làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2005, còn ngày tháng thì không nhớ, từ đó cho đến nay chị và anh không có đăng ký kết hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, chị và anh không có. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống xảy ra nhiều bất đồng

ý kiến, không hòa thuận, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, chị và anh K không còn chung sống từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Bị đơn anh Võ Minh K trình bày: Về hôn nhân, anh K thống nhất với lời trình bày của chị C về thời gian làm đám cưới vào năm 2005, anh, chị không có đăng ký kết hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, anh và chị không có. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống xảy ra nhiều bất đồng ý kiến, không hòa thuận, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, anh và chị C không còn chung sống từ năm 2010 cho đến nay. Nay anh K đồng ý ly hôn với chị Chuẩn.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện P trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Về việc khởi kiện, thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, việc xác định tư cách đương sự, về thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng, việc chuyển hồ sơ vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật; việc tuân theo quy định pháp luật của các đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Phan Việt C và anh Võ Minh K là vợ chồng.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: chị Chuẩn phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Võ Minh K có địa chỉ ở ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, chị Phan Việt C khởi kiện xin ly hôn với anh Võ Minh K và Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết chị C là nguyên đơn, anh K là bị đơn là đúng qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị C và anh K vắng mặt, anh, chị có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 17/02/2020 (bút lục 24, 27), do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh K, chị C theo qui định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Việt C và anh Võ Minh K thống nhất có lời khai thể hiện, anh và chị làm đám cưới vào năm 2005, còn ngày tháng thì không nhớ; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Xét thấy, trong thời gian chung sống giữa chị C và anh

K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng thêm trầm trọng nên không còn sống chung từ năm 2010 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc chung sống của chị C và anh K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, hiện tại chị và anh đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, chị C và anh K không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Việt C và anh Võ Minh K.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh K đều có lời khai thống nhất anh, chị không có, không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phan Việt C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Việt C với anh Võ Minh K.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phan Việt C phải nộp số tiền 300.000 đồng, chị C đã tạm ứng số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0004657 ngày 14/02/2020 sẽ được chuyển thu án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Việt C và anh Võ Minh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện P
- THADS huyện P
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Như